TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA AN** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 54/2018/QĐST-HNGĐ	*Hòa An, ngày 07 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 55/2018/TLST/HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị V; Sinh năm: 1987.

Nơi ĐKHKTT: Xã D, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Chỗ ở hiện nay: Xóm K, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B; Sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Thôn B, xã D, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31/8/2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị V; Sinh năm: 1987.

Nơi ĐKHKTT: Xã D, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Chỗ ở hiện nay: Xóm K, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B; Sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Thôn B, xã D, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị V cùng Anh Nguyễn Văn B thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao 02 con chung họ tên Nguyễn Thị L; Sinh ngày 01/8/2006, Nguyễn Thị A sinh ngày 30/8/2009 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi xét thấy cần thiết.

Về cấp dưỡng: Chị Hoàng Thị V có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi các con là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/1 tháng, tính từ tháng 9/2018.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về Tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận trong đơn khởi kiện ngày 14/6/2018 của đương sự như sau: Sau khi ly hôn, anh B sẽ trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản chung 01 Máy cày mua năm 2016, trị giá 17.500.000đ (*Mười bẩy triệu năm trăm nghìn đồng*), anh B có trách nhiệm trả cho anh trai Hoàng Văn C, sinh năm 1986, địa chỉ: Xóm K, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng số tiền vay mua xe là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Đối với các tài sản khác không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị V và anh B mỗi người phải chịu 75.000đ án phí dân sự sơ thẩm cho việc thuận tình ly hôn. Chị V phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng. Chị V tự nguyện nộp cả phần anh B, tổng cộng chị V phải nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AB/2012/02281 ngày 26/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa An, Cao Bằng, chị V đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

HOÀNG KIM CHI